



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT**  
**Sao Viet Auditing Company Limited**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**ĐÃ KIỂM TOÁN**

Cho giai đoạn tài chính từ  
ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015

**SVC SVC SVC SVC SVC S**  
**VC SVC SVC SVC SVC SVC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ KIỂM TOÁN**

**Cho giai đoạn tài chính từ  
ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>1 - 2</b>
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	<b>3 - 4</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
<b>Bảng cân đối kế toán</b>	<b>5 - 8</b>
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>9</b>
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>	<b>10 - 11</b>
<b>Thuyết minh báo cáo tài chính</b>	<b>12 - 32</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Điện Nước An Giang hân hạnh trình bày bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

### 1. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc giai đoạn tài chính từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lương Văn Bạ	Chủ tịch
Ông Lê Việt Anh	Thành viên
Ông Lê Thành Bửu	Thành viên
Ông Trần Thanh Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Huy	Thành viên
Ông Lâm Thành Quang	Thành viên
Ông Trần Nhất Trí	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Ông Đặng Chánh Nghĩa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu	Thành viên
Ông Lê Phúc Nhuận	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Lương Văn Bạ	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thành Bửu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Nhất Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc

2. Trụ sở chính đặt tại số 253/13 đường Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm 2015 là

- Phân phối, truyền tải điện;
- Lắp đặt hệ thống bơm, ống nước; Xây dựng các công trình xử lý cấp thoát nước và mạng đường ống cấp thoát nước;
- Mua bán vật tư, thiết bị điện, nước;
- Xây dựng đường dây điện; Xây dựng trạm bơm.

4. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 32.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty.

6. Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính giai đoạn

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Điện Nước An Giang hân hạnh trình bày bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

### 1. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc giai đoạn tài chính từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lương Văn Bạ	Chủ tịch
Ông Lê Việt Anh	Thành viên
Ông Lê Thành Bửu	Thành viên
Ông Trần Thanh Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Huy	Thành viên
Ông Lâm Thành Quang	Thành viên
Ông Trần Nhất Trí	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Ông Đặng Chánh Nghĩa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu	Thành viên
Ông Lê Phúc Nhuận	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Lương Văn Bạ	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thành Bửu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Nhất Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc

2. **Trụ sở chính** đặt tại số 253/13 đường Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm 2015** là

- Phân phối, truyền tải điện;
- Lắp đặt hệ thống bơm, ống nước; Xây dựng các công trình xử lý cấp thoát nước và mạng đường ống cấp thoát nước;
- Mua bán vật tư, thiết bị điện, nước;
- Xây dựng đường dây điện; Xây dựng trạm bơm.

4. **Đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh**

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 32.

5. **Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty.

6. **Đơn vị kiểm toán**

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính giai đoạn

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty.

**7. Ý kiến của Hội đồng Quản trị**

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam.

Cho đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị nhận thấy không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

Thành phố Long Xuyên, ngày 10 tháng 09 năm 2015

**TM. Hội đồng Quản trị**

**CHỦ TỊCH**



*amba*  
**LƯƠNG VĂN BẠ**



Số: 55/BCKT-2015

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc*

### **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 04 tháng 08 năm 2015 từ trang 05 đến trang 32 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã thuyết minh tại mục V.12 trang 25 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa tiến hành Đại hội cổ đông để quyết định việc giảm phần vốn Nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần tương ứng với giá trị lợi thế vị trí địa lý đã tính vào phần vốn Nhà nước theo quy định của Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 “*Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần*”. (Đối với khoản lợi thế vị trí địa lý doanh nghiệp đã phân bổ vào chi phí của doanh nghiệp đến thời điểm 31/12/2013 thì không được giảm trừ) tương đương số vốn là 9.739.099.552 đồng.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 09 năm 2015

**Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt**

**KT. Giám đốc  
Phó Giám đốc**



**ĐINH TẤN TƯỜNG**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
Số: 0175-2013-107-1

**Kiểm toán viên**

**NGUYỄN MẠNH QUÂN**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
Số: 0180-2013-107-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
1		2	3	4	5
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>395.068.800.310</b>	<b>366.583.413.186</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>33.320.716.266</b>	<b>12.605.101.592</b>
1.	Tiền	111		23.286.271.822	12.605.101.592
2.	Các khoản tương đương tiền	112		10.034.444.444	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>111.697.212.044</b>	<b>109.623.356.120</b>
3.	Đầu tư nắm giữ cho đến ngày đáo hạn	123		111.697.212.044	109.623.356.120
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>188.589.373.534</b>	<b>179.447.456.563</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.3</b>	122.496.177.688	92.020.430.273
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		80.305.368	28.100.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.4</b>	65.942.107.452	87.328.143.264
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		70.783.026	70.783.026
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>50.733.104.281</b>	<b>55.217.411.079</b>
1.	Hàng tồn kho	141	<b>V.5</b>	50.733.104.281	55.217.411.079
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.728.394.185</b>	<b>9.690.087.832</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.6</b>	10.728.394.185	5.281.052.338
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	157.250.638
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	4.251.784.856

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.055.744.932.431</b>	<b>979.092.166.436</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>150.000.000</b>	<b>150.000.000</b>
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	V.7	150.000.000	150.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>834.531.366.747</b>	<b>768.961.288.673</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	814.398.836.647	748.809.768.573
- Nguyên giá	222		1.170.072.791.321	1.063.068.341.618
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(355.673.954.674)	(314.258.573.045)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	20.132.530.100	20.151.520.100
- Nguyên giá	228		20.161.015.100	20.161.015.100
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(28.485.000)	(9.495.000)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>208.304.434.185</b>	<b>196.300.086.540</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	208.304.434.185	196.300.086.540
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>84.040.000</b>	<b>84.040.000</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	84.040.000	84.040.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.675.091.499</b>	<b>13.596.751.223</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	12.504.078.687	13.425.738.411
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	171.012.812	171.012.812
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.450.813.732.741</b>	<b>1.345.675.579.622</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>518.975.036.397</b>	<b>418.794.794.495</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>212.910.017.869</b>	<b>109.241.036.187</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	42.702.260.547	35.365.005.020
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	300.360.097	201.317.100
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	10.832.126.223	825.699.732
4. Phải trả người lao động	314	V.17	10.469.398.678	10.874.737.586
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	24.542.450
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	133.646.802.303	47.647.821.023
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	6.459.002.440	5.791.494.289
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.500.067.581	8.510.418.987
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>306.065.018.528</b>	<b>309.553.758.308</b>
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	818.181.818	818.181.818
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	300.046.649.106	304.473.832.948
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.22	4.400.187.604	3.561.743.542
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.23	800.000.000	700.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015  
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
<b>D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>931.838.696.344</b>	<b>926.880.785.127</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.24</b>	<b>931.838.696.344</b>	<b>926.880.785.127</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		486.600.000.000	486.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		486.600.000.000	486.600.000.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		93.000.652.799	111.092.801.836
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		34.395.954.182	28.113.872.630
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	1.909.744.453
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64.855.147.100	91.178.695.642
- LNST chưa phân phối lũy kế đến ngày cuối kỳ trước	421a		19.433.665.913	91.178.695.642
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45.421.481.187	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		252.986.942.263	207.985.670.566
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.450.813.732.741</b>	<b>1.345.675.579.622</b>

Thành phố Long Xuyên, ngày 04 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



TRẦN VIỆT HẢI



TRƯƠNG VĂN NGHIỆM




LƯƠNG VĂN BẠ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	589.290.783.655	514.002.606.552
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>589.290.783.655</b>	<b>514.002.606.552</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	457.392.573.616	389.663.078.930
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>131.898.210.039</b>	<b>124.339.527.622</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.663.465.356	5.114.253.958
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.936.122.735	8.825.779.720
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.936.122.735	8.825.779.720
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	42.784.876.207	41.639.470.795
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.807.761.898	16.336.415.961
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>70.032.914.555</b>	<b>62.652.115.104</b>
11. Thu nhập khác	31		805.292.130	265.673.209
12. Chi phí khác	32		17.474.627	40.021.748
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>787.817.503</b>	<b>225.651.461</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>70.820.732.058</b>	<b>62.877.766.565</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		14.836.904.397	13.109.468.319
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		838.444.062	229.347.272
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>55.145.383.599</b>	<b>49.538.950.974</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.133	1.018

Thành phố Long Xuyên, ngày 04 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



TRẦN VIỆT HẢI



TRƯƠNG VĂN NGHIÊM




LƯƠNG VĂN BẠ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1		2	3
<b>I.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<b>01</b>	<b>70.820.732.058</b>
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	41.463.000.026
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.648.123.870)
-	Chi phí lãi vay	06	8.936.122.735
-	Các khoản điều chỉnh khác	07	100.000.000
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<b>08</b>	<b>117.671.730.949</b>
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.568.387.425)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.712.379.815
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	34.865.623.816
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.522.783.307)
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(9.519.510.715)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.814.926.064)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.100.229.000
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>	<b>139.924.356.069</b>
<b>II.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(118.702.085.084)
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác (*)	24	7.296.627.492
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	292.981.940
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>(117.112.475.652)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1	2	3
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	34.312.082.738
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(36.408.348.481)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>(2.096.265.743)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	20.715.614.674
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.605.101.592
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	33.320.716.266

(\*) Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn dùng để tái đầu tư từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 là 3.370.483.416 đồng.

Thành phố Long Xuyên, ngày 04 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



TRẦN VIỆT HẢI

TRƯƠNG VĂN NGHIÊM

LƯƠNG VĂN BẠ

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Điện nước An Giang được cổ phần hóa theo Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 4/8/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang.

Ngày 28/3/2011, Công ty đã đăng ký hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 1600249791 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp. Và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ nhất ngày 13/6/2013 và lần thứ hai ngày 14/8/2013.

Trụ sở đăng ký của Công ty đặt tại số 253/13 đường Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

#### Các chi nhánh bao gồm:

- Xí nghiệp Cấp nước Thành phố Long Xuyên;
- Xí nghiệp Điện nước Thành phố Châu Đốc;
- Xí nghiệp Điện nước huyện Chợ Mới;
- Xí nghiệp Điện nước huyện Châu Phú;
- Xí nghiệp Điện nước huyện Phú Tân;
- Xí nghiệp Điện nước huyện An Phú;
- Xí nghiệp Điện nước huyện Tịnh Biên;
- Xí nghiệp Điện nước huyện Tri Tôn;
- Xí nghiệp Điện nước Thị xã Tân Châu
- Xí nghiệp Điện nước huyện Châu Thành;
- Xí nghiệp Điện nước huyện Thoại Sơn;
- Xí nghiệp Xây lắp Điện Nước.

#### 2. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Phân phối, truyền tải điện;
- Kinh doanh khách sạn;
- Lắp đặt hệ thống bơm, ống nước; Xây dựng các công trình xử lý cấp thoát nước và mạng đường ống cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất, phân phối nước sạch; Khai thác và sản xuất nước khoáng;
- Mua bán vật tư, thiết bị điện, nước;
- San lấp mặt bằng;
- Mua bán nông sản; Mua bán lương thực;
- Bán buôn thực phẩm;
- Chế biến thủy sản;
- Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng đường dây điện; Xây dựng trạm bơm;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; Đầu tư, xây dựng khách sạn; Đầu tư, xây dựng các khu vui chơi, giải trí; Kinh doanh các khu vui chơi, giải trí; Kinh doanh nhà hàng.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

### II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Riêng báo cáo này lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

#### 2. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 (“Quyết định 15”), và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 được áp dụng phi hồi tố. Số liệu đầu năm đã được sắp xếp và phân loại lại cho phù hợp với qui định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

#### 3. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 4. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

#### 2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

##### 2.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

##### Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

**Xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ** theo phương pháp nhập trước xuất trước

**Kế toán hàng tồn kho** theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

**Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**Lập dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

#### 5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

**Nguyên tắc ghi nhận giá trị TSCĐ hữu hình**

Giá trị ban đầu của tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 25 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
TSCĐ khác	3 - 8 năm

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình**

Giá trị ban đầu của tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

**6. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác**

Các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là tương đương tiền;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**8. Kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Nguyên tắc ghi nhận**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là các khoản phải trả ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là các khoản phải trả dài hạn;
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

**10. Ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**11. Quỹ tiền lương năm 2015** được trích lập theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 15 tháng 05 năm 2015.

**12. Công cụ tài chính** là hợp đồng làm tăng tài sản tài chính của Công ty và nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác.

**Tài sản tài chính** gồm:

- Tiền mặt,
- Công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác,
- Quyền theo hợp đồng để: (i) Nhận tiền mặt hoặc tài sản tài chính khác từ đơn vị khác; hoặc (ii) Trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện có thể có lợi cho Công ty;
- Hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Nợ phải trả tài chính** là các nghĩa vụ sau:

- Mang tính bắt buộc để: (i) Thanh toán tiền mặt hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác; (ii) Trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho đơn vị; hoặc
- Hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty.

**Tài sản tài chính của Công ty** gồm Tiền và tương đương tiền, Phải thu khách hàng, Phải thu khác và Đầu tư tài chính.

**Nợ phải trả tài chính của Công ty** gồm Các khoản vay và nợ, Phải trả người bán và Phải trả khác.

**Giá trị ghi sổ** ban đầu của tài sản tài chính: Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Giá trị hợp lý** của các công cụ tài chính là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Để ước tính giá trị hợp lý của các công cụ tài chính, Công ty sử dụng các giả định và phương pháp sau:

- Giá trị hợp lý của tiền, các khoản phải thu và phải trả ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng phần không có khả năng thu hồi);
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn tương tự.

### 13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

**Doanh thu bán hàng** được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ** được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**14.1 Doanh thu hoạt động tài chính** phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**13.1 Thuế suất và các khoản ưu đãi thuế**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập tính thuế.

Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo các dự án đầu tư sau:

Tên dự án; Số, ngày Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư	Các ưu đãi được hưởng
<b>Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước thị trấn Tri Tôn</b> Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 98/CN.UB ngày 30/8/2000	Thuế suất ưu đãi: 20%; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo, kể từ năm 2010.
<b>Cải tạo, nâng công suất hệ thống cấp nước thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang</b> Giấy chứng nhận đầu tư số 52121000062 ngày 01/08/2007	Thuế suất: 22%; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo, kể từ năm 2010
<b>Xây dựng đường dây trung – hạ thế và trạm biến áp tại hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên, tỉnh An Giang</b> Giấy chứng nhận đầu tư số 52121000063 ngày 31/7/2007	Thuế suất: 22% ; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2011.
<b>Xây dựng hệ thống cấp nước, tuyến ống</b>	Thuế suất: 22% ;

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tên dự án; Số, ngày Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư	Các ưu đãi được hưởng
<b>phân phối và giếng khoan bơm tạt hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên</b> Giấy chứng nhận đầu tư số 52121000064 ngày 1/8/2007	Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2011
<b>Các công trình cấp nước phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn trên địa bàn tỉnh An Giang</b> Giấy chứng nhận đầu tư số 52121000065 ngày 31/07/2007	
<i>Đối với dự án đầu tư mới trên địa bàn huyện Tri Tôn, huyện Tịnh Biên, huyện An Phú và huyện Thoại Sơn:</i>	Thuế suất: 22% ; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2011.
<i>Đối với dự án đầu tư mới trên địa bàn huyện Châu Thành:</i>	Thuế suất: 22% ; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo, kể từ năm 2010.
<i>Đối với dự án đầu tư mở rộng trên địa bàn huyện Tri Tôn:</i>	Thuế suất áp dụng: 22%; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo, kể từ năm 2011.
<i>Đối với dự án đầu tư mở rộng trên địa bàn huyện Châu Phú:</i>	Thuế suất áp dụng: 22%; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo, kể từ năm 2010.
<b>Xây dựng hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt cụm tuyến dân cư vùng ngập lũ trên địa bàn tỉnh An Giang;</b> Giấy chứng nhận đầu tư số 52121000066 ngày 31/07/2007:	
<i>Đối với dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn:</i>	Thuế suất: 22% ; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tên dự án; Số, ngày Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư	Các ưu đãi được hưởng
<i>Đối với dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn:</i>	theo, kể từ năm 2011. Thuế suất: 22% ; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo, kể từ năm 2010.
<i>Đối với dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn thành phố Long Xuyên và thị xã Châu Đốc:</i> <b>Xây dựng hệ thống cấp điện phục vụ sinh hoạt cụm tuyến dân cư vùng ngập lũ trên địa bàn tỉnh An Giang;</b> Giấy chứng nhận đầu tư số 52121000067 ngày 31/07/2007:	Thuế suất: 22% ; Hết thời gian ưu đãi miễn giảm thuế
<i>Đối với dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn:</i>	Thuế suất: 22% ; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2011.
<i>Đối với dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn:</i>	Thuế suất: 22% ; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo, kể từ năm 2010.
<i>Đối với dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn thị xã Châu Đốc:</i> <b>Xây dựng hệ thống điện phục vụ sinh hoạt nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang;</b> Giấy chứng nhận đầu tư số 52121000069 ngày 07/08/2007	Thuế suất: 22% ; Hết thời gian ưu đãi miễn giảm thuế
<i>Đối với dự án đầu tư mới trên địa bàn huyện Tri Tôn, huyện Tịnh Biên, huyện An Phú, huyện Tân Châu và huyện Thoại Sơn:</i>	Thuế suất: 22% ; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2011.
<i>Đối với dự án đầu tư mới trên địa bàn huyện Châu Thành, huyện Châu Phú,</i>	Thuế suất: 22%;

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tên dự án; Số, ngày Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư	Các ưu đãi được hưởng
<i>huyện Phú Tân và huyện Chợ Mới:</i>	Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo, kể từ năm 2010.
<i>Đối với dự án đầu tư mới thực hiện địa bàn thị xã Châu Đốc:</i>	Thuế suất: 22% ; Hết thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế
<i>Đối với dự án đầu tư mở rộng trên địa bàn huyện Tri Tôn, huyện Tịnh Biên, huyện An Phú, huyện Tân Châu và huyện Thoại Sơn:</i>	Thuế suất áp dụng: 22%; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo, kể từ năm 2011.
<i>Đối với dự án đầu tư mở rộng trên địa bàn huyện Châu Thành, huyện Châu Phú, huyện Phú Tân và huyện Chợ Mới:</i>	Thuế suất áp dụng: 22%; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo, kể từ năm 2010.
<i>Đối với dự án đầu tư mở rộng trên địa bàn thị xã Châu Đốc:</i>	Thuế suất áp dụng: 22%; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo, kể từ năm 2008.
<b>Xây dựng tuyến ống phân phối cấp nước phục vụ sinh hoạt nhân dân trên địa bàn tỉnh An Giang;</b> Giấy chứng nhận đầu tư số 52121000070 ngày 07/08/2007:	
<i>Đối với dự án đầu tư mới trên địa bàn huyện Tri Tôn, huyện Tịnh Biên, huyện An Phú, huyện Tân Châu và huyện Thoại Sơn:</i>	Thuế suất: 22% ; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2011.
<i>Đối với dự án đầu tư mới trên địa bàn huyện Châu Thành, huyện Châu Phú, huyện Phú Tân và huyện Chợ Mới:</i>	Thuế suất: 22% ; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo, kể từ năm 2010.
<i>Đối với dự án đầu tư mới thực hiện địa bàn thành phố Long Xuyên và thị xã Châu Đốc:</i>	Thuế suất: 22% ; Hết thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế
<i>Đối với dự án đầu tư mở rộng trên địa bàn</i>	Thuế suất áp dụng: 22%;



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tên dự án; Số, ngày Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư	Các ưu đãi được hưởng
<i>thành phố Long Xuyên:</i>	Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm, kể từ năm 2007; Giảm 50% thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo, kể từ năm 2008.

**16. Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**V.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2015	01/01/2015
Tiền mặt	15.002.802	4.226.312
Tiền gửi ngân hàng	23.271.269.020	12.600.875.280
Các khoản tương đương tiền (*)	10.034.444.444	-
<b>Cộng</b>	<b>33.320.716.266</b>	<b>12.605.101.592</b>

(\*) Là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang.

**V.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm tiền gửi tại:**

	30/06/2015	01/01/2015
<b>Ngân hàng Công Thương An Giang</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm	105.357.212.044	103.377.529.238
<b>Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	340.000.000	340.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm	6.000.000.000	5.905.826.882
<b>Cộng</b>	<b>111.697.212.044</b>	<b>109.623.356.120</b>

**V.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2015	01/01/2015
Phải thu tiền điện (V.3.1)	99.884.582.942	60.432.558.482
Phải thu tiền nước	9.693.038.292	20.976.480.998
Phải thu tiền điện kế, vật tư điện	8.229.153.782	7.771.698.367
Phải thu tiền thủy kế, vật tư nước	2.481.600.251	2.766.172.435
Phải thu khách hàng khác	2.207.802.421	73.519.991
<b>Cộng</b>	<b>122.496.177.688</b>	<b>92.020.430.273</b>

(V.3.1). Bao gồm các khoản phải thu sau:

Xí nghiệp	Số tiền
Phải thu tiền điện An Phú	5.042.111.204
Phải thu tiền điện Châu đốc	4.035.928.403
Phải thu tiền điện Châu Phú	4.837.684.456

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phải thu tiền điện Châu Thành	3.391.119.106
Phải thu tiền điện Xí nghiệp Chợ Mới	5.550.497.804
Phải thu tiền điện Xí nghiệp Phú Tân	9.955.644.647
Phải thu tiền điện Xí nghiệp Tân Châu	2.756.804.260
Phải thu tiền điện Xí nghiệp Thoại Sơn	2.299.124.382
Phải thu tiền điện Xí nghiệp Tịnh Biên	3.312.786.319
Phải thu tiền điện Xí nghiệp Tri Tôn	5.569.665.048
Tiền điện bổ sung khi quyết toán	53.133.217.313
<b>Cộng</b>	<b>99.884.582.942</b>

(V.3.2). Bao gồm các khoản phải thu sau:

<b>Xí nghiệp</b>	<b>Số tiền</b>
Phải thu tiền nước Xí nghiệp An Phú	971.557.994
Phải thu tiền nước Xí nghiệp Châu Đốc	2.306.596.758
Phải thu tiền nước Xí nghiệp Châu Phú	516.061.915
Phải thu tiền nước Xí nghiệp Châu Thành	1.259.445.240
Phải thu tiền nước Xí nghiệp Chợ Mới	520.742.387
Phải thu tiền nước Xí nghiệp Phú Tân	1.075.980.078
Phải thu tiền nước Xí nghiệp Tân Châu	439.052.235
Phải thu tiền nước Xí nghiệp Thoại Sơn	623.028.951
Phải thu tiền nước Xí nghiệp Tịnh Biên	1.115.246.278
Phải thu tiền nước Xí nghiệp Tri Tôn	865.326.456
<b>Cộng</b>	<b>9.693.038.292</b>

**V.4. Phải thu ngắn hạn khác**

		<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Phải thu ngắn hạn khác	(V.4.1)	62.040.812.851	84.362.110.726
Tạm ứng	(V.4.2)	3.901.294.601	2.966.032.538
<b>Cộng</b>		<b>65.942.107.452</b>	<b>87.328.143.264</b>

(V.4.1). Bao gồm các khoản phải thu khác sau:

Tạm ứng tiền cho các nhà thầu thi công công trình chưa quyết toán	47.172.296.777
Kho bạc Nhà nước tạm ứng chi phí đèn bù HTTN&XLNT Long Xuyên	8.765.166.216
Phải thu người lao động về thuế thu nhập cá nhân, BHXH, BHYT	284.211.120
Lãi tiền gửi tiết kiệm phải thu	4.188.799.689
Khác	1.630.339.049
<b>Cộng</b>	<b>62.040.812.851</b>

(V.4.2). Là khoản tạm ứng cho nhân viên các Xí nghiệp trực thuộc và các cá nhân thực hiện công tác xây dựng, sửa chữa như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>Xí nghiệp</b>	<b>Số tiền</b>
Xí nghiệp An Phú	198.245.000
Xí nghiệp Châu Đốc	495.000.000
Xí nghiệp Châu Phú	446.772.280
Xí nghiệp Châu Thành	180.400.000
Xí nghiệp Chợ Mới	355.300.000
Xí nghiệp Phú Tân	91.100.000
Xí nghiệp Tân Châu	136.500.000
Xí nghiệp Thoại Sơn	314.309.457
Xí nghiệp Tịnh Biên	243.800.000
Xí nghiệp Tri Tôn	133.600.000
Xí nghiệp Xây Lấp	947.334.361
Cán bộ công nhân viên khác	358.933.503
<b>Cộng</b>	<b>3.901.294.601</b>

**V.5. Hàng tồn kho**

	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Nguyên liệu, vật liệu	2.265.190.505	2.069.257.271
Công cụ, dụng cụ	144.473.552	159.117.652
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (V.5.1)	43.380.989	4.592.283.529
Hàng hóa (V.5.2)	44.217.876.127	44.361.938.500
Hàng gửi đi bán (V.5.3)	4.062.183.108	4.034.814.127
<b>Cộng</b>	<b>50.733.104.281</b>	<b>55.217.411.079</b>

(V.5.1) Trong đó, sản phẩm dở dang là các dự án bất động sản có giá trị 0 đồng (vào ngày 31/12/2014 là 4.557.150.000 đồng).

(V.5.2) Trong đó, hàng hóa là các dự án bất động sản xây dựng để bán có giá trị 26.785.899.053 đồng (vào ngày 31/12/2014 là 26.785.899.053 đồng).

(V.5.3) Là giá trị vật tư theo giá gốc đã xuất để thi công các công trình lắp đặt điện kế/thủy kế cho các hộ sử dụng nhưng chưa hoàn thành.

**V.6. Chi phí trả trước ngắn hạn** là giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ và giá trị vật tư xuất cho các Xí nghiệp trực thuộc nhưng chưa quyết toán với Công ty.

**V.7. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc** là vốn kinh doanh cấp cho Xí nghiệp Châu Đốc.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**V.8. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	01/01/2015	Tăng	Giảm	30/06/2015
<b>Nguyên giá</b>				
Nhà cửa vật kiến trúc	185.617.495.875	-	-	185.617.495.875
Máy móc thiết bị	862.433.703.614	107.733.369.849	995.651.717	969.171.421.746
Phương tiện vận tải truyền dẫn	8.343.503.338	-	-	8.343.503.338
Thiết bị dụng cụ quản lý	-	-	-	-
TSCĐ khác	6.673.638.791	266.731.571	-	6.940.370.362
<b>Cộng</b>	<b>1.063.068.341.618</b>	<b>108.000.101.420</b>	<b>995.651.717</b>	<b>1.170.072.791.321</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Nhà cửa vật kiến trúc	48.300.766.626	4.947.681.676	-	53.248.448.302
Máy móc thiết bị	257.722.186.390	35.910.746.944	28.628.397	293.604.304.937
Phương tiện vận tải truyền dẫn	4.818.483.327	247.651.296	-	5.066.134.623
Thiết bị dụng cụ quản lý	-	-	-	-
TSCĐ khác	3.417.136.702	337.930.110	-	3.755.066.812
<b>Cộng</b>	<b>314.258.573.045</b>	<b>41.444.010.026</b>	<b>28.628.397</b>	<b>355.673.954.674</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Nhà cửa vật kiến trúc	137.316.729.249	-	-	132.369.047.573
Máy móc thiết bị	604.711.517.224	-	-	675.567.116.809
Phương tiện vận tải truyền dẫn	3.525.020.011	-	-	3.277.368.715
Thiết bị dụng cụ quản lý	-	-	-	-
TSCĐ khác	3.256.502.089	-	-	3.185.303.550
<b>Cộng</b>	<b>748.809.768.573</b>			<b>814.398.836.647</b>

**V.9. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	01/01/2015	Tăng	Giảm	30/06/2015
<b>Nguyên giá</b>				
Quyền sử dụng đất (*)	19.971.115.100	-	-	19.971.115.100
Phần mềm máy tính	189.900.000	-	-	189.900.000
<b>Cộng</b>	<b>20.161.015.100</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.161.015.100</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm máy tính	9.495.000	18.990.000	-	28.485.000
<b>Cộng</b>	<b>9.495.000</b>	<b>18.990.000</b>	<b>-</b>	<b>28.485.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Quyền sử dụng đất	19.971.115.100	-	-	19.971.115.100
Phần mềm máy tính	180.405.000	-	-	161.415.000
<b>Cộng</b>	<b>20.151.520.100</b>			<b>20.132.530.100</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**(\*) Giá trị quyền sử dụng đất, bao gồm:**

6.009 m<sup>2</sup> tại thành phố Long Xuyên hiện sử dụng làm trụ sở văn phòng chính và kho hàng với tổng giá trị là 11.655.638.619 đồng;

49.322 m<sup>2</sup> tại các Xí nghiệp trực thuộc với tổng giá trị 8.215.164.106 đồng. Trong đó 2.954.586.000 đồng là tiền chi đền bù giải phóng mặt bằng để có quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

**V.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:**

Hạng mục công trình	30/06/2015	01/01/2015
Cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Hòa	33.852.621.868	33.852.621.868
Hệ thống cấp nước Khu công nghiệp Bình Long	4.305.196.319	4.305.196.319
Hệ thống cấp nước Long Sơn, huyện Tân Châu (vốn ODA )	559.091	27.766.799.739
Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Châu Đốc	125.332.982.506	97.634.996.361
Hệ thống cấp nước Thị trấn Phú Hòa	157.000	157.000
Hệ thống cấp nước thị trấn An Phú	4.400.000	4.400.000
Hệ thống xử lý nước thải Long Xuyên	33.882.306.546	18.933.460.130
NCS&MR tuyến ống TCN Vĩnh Phú	-	1.133.195.182
NCS&MR tuyến ống TCN Vĩnh Thành	-	1.272.418.182
Các công trình khác	10.926.210.855	11.396.841.759
<b>Cộng</b>	<b>208.304.434.185</b>	<b>196.300.086.540</b>

**V.11. Đầu tư dài hạn khác** là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước số 2.

**V.12. Chi phí trả trước dài hạn khác**

	30/06/2015	01/01/2015
Giá trị lợi thế kinh doanh	9.739.099.552(*)	9.739.099.552
Giá trị CCDC chờ phân bổ	2.764.979.135	3.686.638.859
<b>Cộng</b>	<b>12.504.078.687</b>	<b>13.425.738.411</b>

(\*) Là Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp căn cứ Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản của Công ty Cổ phần Điện nước An Giang tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, giá trị lợi thế kinh doanh được xác định trên cơ sở lợi thế về vị trí địa lý đối với các lô đất thuê tại các Xí nghiệp trực thuộc và được phân bổ trong thời gian 10 năm kể từ năm 2012.

Trong năm, Công ty đã dừng phân bổ Giá trị lợi thế vị trí địa lý theo quy định của Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 “*Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần*”. Đến thời điểm này, Công ty chưa tiến hành Đại hội cổ đông để quyết định việc giảm phần vốn Nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần tương ứng với giá trị lợi thế vị trí địa lý đã tính vào phần vốn Nhà nước (Đối với khoản lợi thế vị trí địa lý doanh

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

nghiệp đã phân bổ vào chi phí của doanh nghiệp đến thời điểm 31/12/2013 thì không được giảm trừ) tương đương số vốn là 9.739.099.552 đồng.

**V.13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại** liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do khác biệt giữa lợi nhuận tính thuế và lợi nhuận kế toán phát sinh khi xác định doanh thu tính thuế theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án Khu biệt thự vườn Trục Châu Đốc – Núi Sam, Thị xã Châu Đốc số 03/HĐKT.CNQSDĐ ngày 6/12/2010.

**V.14. Phải trả người bán ngắn hạn** bao gồm:

	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Công ty Điện Lực An Giang	33.132.349.771	27.221.965.709
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	715.797.500	751.630.000
Công ty TNHH dây & cáp điện Thành Công	775.048.010	1.366.719.761
Công ty Cổ phần Kinh doanh vật tư ThiBiDi	1.145.635.468	1.466.799.048
Cty TNHH TM và DV An Khánh	681.008.253	456.415.370
Cty TNHH Viễn thông Việt Hồng Hà	714.450.000	675.268.000
Cty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thái Đạt	1.162.653.000	957.129.000
Nhà cung cấp khác	4.375.318.545	2.469.078.132
<b>Cộng</b>	<b><u>42.702.260.547</u></b>	<b><u>35.365.005.020</u></b>

**V.15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn** là khoản trả trước tiền mua đất nền của các hộ dân.

**V.16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>01/01/2015</b>	<b>Phải nộp</b>	<b>Đã nộp</b>	<b>30/06/2015</b>
Thuế GTGT	-	2.815.512.317	1.660.017.494	1.155.494.823
Thuế TNDN	(4.251.784.856)	14.836.904.397	1.814.926.064	8.770.193.477
Thuế TNCN	343.671.046	41.533.941	41.533.941	343.671.046
Thuế tài nguyên	172.444.140	1.115.582.640	1.087.814.070	200.212.710
Thuế phí và lệ phí	309.584.546	2.379.084.765	2.326.115.144	362.554.167
<b>Cộng</b>	<b><u>(3.426.085.124)</u></b>	<b><u>21.188.618.060</u></b>	<b><u>6.930.406.713</u></b>	<b><u>10.832.126.223</u></b>

**V.17. Phải trả người lao động** năm 2015 được trích lập theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 15 tháng 05 năm 2015.

**V.18. Các khoản phải trả ngắn hạn khác** bao gồm:

	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Lãi vay phải trả	16.967.860.305	18.116.718.506
Doanh thu vật tư chưa xác định tiêu thụ	6.858.733.819 (*)	6.053.742.684
Tài sản thừa chờ xử lý	144.588.871	144.588.871
Phải trả thi công hệ thống cấp thoát nước	19.889.373.337	19.036.117.177
Cổ tức phải trả	73.037.632.000	47.632.000
Phải trả khác tại các Xí nghiệp	16.128.299.557	3.628.707.371
Phải trả về cổ phần hóa	620.314.414	620.314.414
<b>Cộng</b>	<b><u>133.646.802.303</u></b>	<b><u>47.647.821.023</u></b>

(\*) Là giá trị vật tư xuất theo giá tiêu thụ nội bộ cho các Xí nghiệp trực thuộc để bán và lắp đặt điện kế/thủy kế cho các hộ sử dụng chờ lắp đặt và quyết toán khi hoàn thành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**V.19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn** là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo hợp đồng tín dụng số 50/2013-HĐTDHM/NHCT740-POWACO ngày 05/08/2013;

Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;

Thời hạn vay: 12 tháng;

Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ;

Mục đích vay: Bổ sung chi phí sản xuất kinh doanh vật tư thiết bị điện, nước của Công ty.

Hình thức đảm bảo: khoản vay không có đảm bảo bằng tài sản

**V.20. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn** là doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án Khu biệt thự vườn Trục Châu Đốc – Núi Sam, Thị xã Châu Đốc theo Hợp đồng số 03/HĐKT.CNQSDD ngày 6/12/2010.

**V.21. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** bao gồm vay tại các ngân hàng sau:

	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (V.21.1)	170.372.050.421	177.019.732.211
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (Vốn vay từ ADB) (V.21.2)	69.208.321.685	71.371.081.737
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (Vốn vay từ AFD) (V.21.3)	60.466.277.000	56.083.019.000
<b>Cộng</b>	<b><u>300.046.649.106</u></b>	<b><u>304.473.832.948</u></b>

(V.21.1). Khoản vay để thi công các công trình điện và nước; lãi suất thả nổi.

Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay với tổng giá trị tạm tính theo các Biên bản định giá tài sản là 48.178.580.000 đồng.

(V.21.2). Khoản vay thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam cho dự án Nhà máy nước Long Xuyên. Thời hạn vay là 25 năm, từ năm 2000 đến năm 2025. Khoản vay chịu lãi suất ở mức 5%/năm tính trên số dư nợ thực tế (đã bao gồm cả phí cho vay lại 0,2%/năm). Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(V.21.3). Khoản vay thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam cho dự án Hệ thống cấp nước thị trấn An Phú. Thời hạn trả nợ là 23 kỳ từ 30/09/2016 đến 31/03/2017. Khoản vay chịu lãi suất ở mức 0,3%/năm (trong hạn) và 7,5% (quá hạn). Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất dự án Hệ thống cấp nước thị trấn An Phú.

Hệ thống cấp nước Long Sơn: vay thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Thời hạn trả nợ là 25 kỳ từ 31/03/2017 đến 31/03/2029. Khoản vay chịu lãi suất 5%/năm (trong hạn) và 7,5% (quá hạn).

**V.22. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả** liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do khác biệt kỳ ghi nhận hóa đơn tiền điện tháng 6 năm 2015.

**V.23. Quỹ phát triển khoa học công nghệ** năm 2015 được trích lập theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 15 tháng 05 năm 2015.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**V.24. Vốn chủ sở hữu**

**(V.24.1). Biến động của Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	01/01/2015	Tăng	Giảm	30/06/2015
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>486.600.000.000</b>	-	-	<b>486.600.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	486.600.000.000	-	-	486.600.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	111.092.801.836	3.793.437.200	21.885.586.237	93.000.652.799
<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>28.113.872.630</b>	<b>6.282.081.552</b>	-	<b>34.395.954.182</b>
<b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.909.744.453</b>		<b>1.909.744.453</b>	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>91.178.695.642</b>	<b>57.055.131.052</b>	83.378.679.594	<b>64.855.147.100</b>
- LNST chưa phân phối lũy kế đến ngày cuối kỳ trước	91.178.695.642	1.909.747.453	73.654.777.182	19.433.665.913
- LNST chưa phân phối kỳ này	-	55.145.383.599	9.723.902.412	45.421.481.187
<b>Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản</b>	<b>207.985.670.566</b>	<b>47.561.352.113</b>	<b>2.560.080.416</b>	<b>252.986.942.263</b>

**Chi tiết lợi nhuận tăng:**

	<b>Từ 01/01/2015</b>
	<b>đến 30/06/2015</b>
Phân phối lại lợi nhuận 2011 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông	1.909.747.453
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	55.145.383.599
<b>Cộng</b>	<b>57.055.131.052</b>

**Chi tiết lợi nhuận giảm:**

<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày cuối kỳ trước</b>	<b>73.654.777.182</b>
Cổ tức năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 15 tháng 05 năm 2015	72.990.000.000
Bổ sung Quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 15 tháng 05 năm 2015	664.777.182
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này (phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 15 tháng 05 năm 2015)</b>	<b>9.723.902.412</b>
Quỹ đầu tư phát triển	2.757.269.180
Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.617.446.032
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	250.000.000
Phân phối lại lợi nhuận 2011 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông	99.187.200

**(V.24.2). Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn điều lệ của Công ty là 486.600.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi sáu tỷ sáu trăm triệu đồng) được chia thành 48.660.000 cổ phần.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Vốn thuộc sở hữu Nhà nước	43.853.300	90,12
Vốn thuộc sở hữu của Công đoàn Công ty	250.000	0,51
Vốn thuộc sở hữu của cán bộ công nhân viên Công ty	1.283.600	2,64
Vốn thuộc sở hữu của các nhà đầu tư chiến lược	950.000	1,95
Vốn của các cổ đông khác	2.323.100	4,78
<b>Cộng</b>	<b>48.660.000</b>	<b>100</b>

**(V.24.3). Cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và hiện đang lưu hành là 48.660.000 cổ phiếu có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

**(V.24.4). Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	55.145.383.599	49.538.950.974
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	48.660.000	48.660.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.133	1.018

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**VI.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Doanh thu kinh doanh điện	426.076.365.676	376.903.677.673
Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	141.155.529.709	124.819.090.701
Doanh thu khác	22.058.888.270	12.279.838.178
<b>Cộng</b>	<b>589.290.783.655</b>	<b>514.002.606.552</b>

**VI.2 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Giá vốn kinh doanh điện	358.664.504.006	305.040.546.551
Giá vốn sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt	85.718.600.317	76.719.225.532
Giá vốn hoạt động khác	13.009.469.293	7.903.306.847
<b>Cộng</b>	<b>457.392.573.616</b>	<b>389.663.078.930</b>

**VI.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Cổ tức được chia	-	20.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.663.465.356	5.094.253.958
<b>Cộng</b>	<b>3.663.465.356</b>	<b>5.114.253.958</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**VI.4 Chi phí tài chính** là chi phí lãi vay.

### VI.5 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Chi phí nhân viên kinh doanh điện và nước	27.852.865.121	27.162.957.179
Khấu hao TSCĐ dùng cho kinh doanh điện và nước	11.665.341.596	11.435.820.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.266.669.490	3.040.693.286
<b>Cộng</b>	<b>42.784.876.207</b>	<b>41.639.470.795</b>

### VI.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Chi phí nhân viên quản lý	7.346.672.241	7.939.179.680
Vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	2.992.913.450	3.445.692.543
Khấu hao TSCĐ	500.777.376	363.369.090
Chi phí dự phòng	227.915.625	434.431.500
Chi phí bằng tiền khác	2.739.483.206	4.153.743.148
<b>Cộng</b>	<b>13.807.761.898</b>	<b>16.336.415.961</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

**VII.1 Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Thủ lao Hội đồng Quản trị** trong 6 tháng đầu năm năm 2015 là 1.009 triệu đồng (6 tháng đầu năm 2014 là 852 triệu đồng).

### VII.2 Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

**Rủi ro tín dụng** là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

*Phải thu khách hàng* chủ yếu phát sinh từ hoạt động cung cấp cấp điện và nước cho các hộ tiêu thụ. Đây là những mặt hàng tiêu dùng thiết yếu với đặc thù của hệ thống cung cấp các mặt hàng này đã tạo điều kiện khách quan để giảm thiểu đến mức thấp nhất những rủi ro phát sinh do không thu được tiền hay thu tiền không đúng kỳ hạn. Công ty đã xây dựng và liên tục hoàn thiện hệ thống cung cấp và kiểm soát tại các xí nghiệp trực thuộc đóng trên địa bàn hoạt động để đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

*Tiền gửi ngân hàng* có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy rủi ro tín dụng nào từ các khoản tiền gửi ngân hàng. Mức độ rủi ro tín dụng tối thiểu tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>30/06/2015</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.320.716.266	-	-	-	33.320.716.266
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	122.496.177.688	-	-	-	122.496.177.688
Phải thu ngắn hạn khác	65.942.107.452	-	-	-	65.942.107.452
Đầu tư nắm giữ cho đến ngày đáo hạn	111.697.212.044	-	-	-	111.697.212.044
<b>Cộng</b>	<b>333.456.213.450</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>333.456.213.450</b>

**Rủi ro thanh khoản** là rủi ro gặp khó khăn do thiếu tiền khi Công ty thực hiện nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: (i) thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp; (ii) giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của các luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>30/06/2015</b>				
Vay và nợ thuê tài chính	6.459.002.440	170.372.050.421	129.674.598.685	306.505.651.546
Phải trả người bán	42.702.260.547	-	-	42.702.260.547
Phải trả khác	133.646.802.303	-	-	133.646.802.303
<b>Cộng</b>	<b>182.808.065.290</b>	<b>170.372.050.421</b>	<b>129.674.598.685</b>	<b>482.854.714.396</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**Rủi ro thị trường** là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

**Rủi ro ngoại tệ** là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro ngoại tệ là không đáng kể do hầu hết các giao dịch thực hiện bằng đồng Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Rủi ro lãi suất** là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Xu hướng giảm dần của lãi suất góp phần giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty.

Ngoài ra, một số dự án đầu tư của Công ty là các công trình điện nước bằng các nguồn vốn từ ngân sách hoặc từ các nguồn tài trợ cho phát triển có thời hạn vay dài với mức lãi suất ổn định trong suốt thời gian vay tạo điều kiện cho việc kiểm soát các rủi ro do biến động của lãi suất.

**Rủi ro về giá nguyên vật liệu**

Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

**VII.3 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2014 và Báo cáo kết quả kinh doanh cho giai đoạn tài chính từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 đã được kiểm toán. Số liệu này đã được sắp xếp và phân loại lại cho phù hợp với qui định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, chi tiết như sau:

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014**

Trình bày theo Quyết định 15			Trình bày theo Thông tư 200		
Mã số	Chỉ tiêu	31/12/2014	Mã số	Chỉ tiêu	31/12/2014
135	Các khoản phải thu khác	84.362.110.726	136	Phải thu ngắn hạn khác	87.328.143.264
158	Tài sản ngắn hạn khác	2.966.032.538			
158	Tài sản ngắn hạn khác	70.783.026	139	Tài sản thiếu chờ xử lý	70.783.026

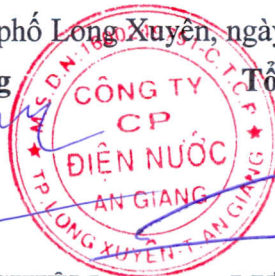
Trình bày theo Quyết định 15			Trình bày theo Thông tư 200		
Mã số	Chỉ tiêu	31/12/2014	Mã số	Chỉ tiêu	31/12/2014
417	Quỹ đầu tư phát triển	3.465.877.638	418	Quỹ đầu tư phát triển	28.113.872.630
418	Quỹ dự phòng tài chính	24.647.994.992			

Thành phố Long Xuyên, ngày 04 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



TRẦN VIỆT HẢI

TRƯƠNG VĂN NGHIỆM

LƯƠNG VĂN BẠ